

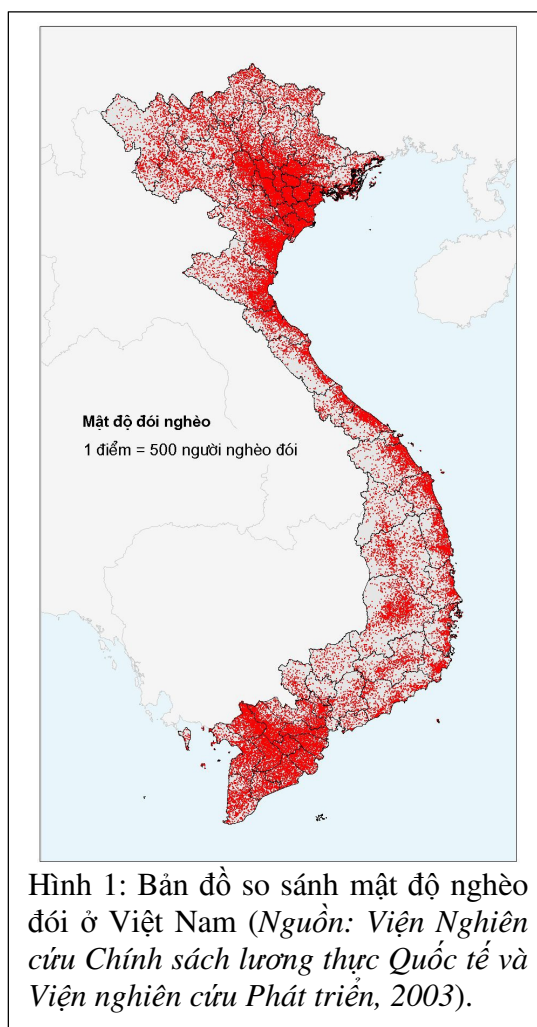
SAU HƠN MỘT THẬP KỶ PHÁT TRIỂN: NÔNG DÂN ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG VẪN NGHÈO. VÌ SAO?

PGS.TS. Lê Anh Tuấn
Đại học Cần Thơ

1. VẤN ĐỀ

Từ xưa đến nay, vùng Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) vẫn luôn được đánh giá là vùng đồng bằng phì nhiêu nhất và luôn đứng đầu Việt Nam về cả diện tích và sản lượng lương thực, thực phẩm cho cả nước và xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp cho nhiều quốc gia khác. Hầu hết các báo cáo về tình hình lương nông trên các diễn đàn và báo chí quốc tế đều có nhắc đến vùng châu thổ này của Việt Nam như là một điểm sáng về tiềm năng cung cấp nông thủy sản cho thế giới nói chung.

Nghèo đói luôn là vấn nạn nan giải của ngành xã hội học và kinh tế học lớn trên thế giới và được xem là thử thách lớn nhất đối với các nhà hoạch định chính sách ở tất cả các nước, không chỉ ở các nhóm quốc gia đang phát triển và kém phát triển trên thế giới mà còn cả ở những quốc gia phát triển. Mặc dầu, trên bình diện quốc gia, Việt Nam vẫn được xem là một đất nước có thành tích giảm được tỷ lệ đói nghèo đáng ghi nhận ở các năm qua. Nếu vào thập niên 1980, nếu chia tổng sản phẩm quốc nội (GDP) trên mỗi đầu người, thì Việt Nam chỉ ở mức 200 USD/người, đến năm 2000, giá trị này tăng gấp đôi, đạt 400 USD/người. Mười năm sau (2010), giá trị GDP/người này của Việt Nam tăng gấp ba lần, đạt 1.200 USD/người. Thế nhưng, một điều trở trêu là mặc dầu là vùng trù phú về nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản, nhiều số liệu phân tích cho thấy là vùng ĐBSCL vẫn là nơi có mật độ người nghèo đói cao của Việt Nam (xem Hình 1), đối tượng nghèo chiếm số đông trong xã hội là những người nông dân. Nếu trên cái nhìn phát triển vĩ mô, chính sách đầu tư cho phát triển nông thôn chỉ dựa vào tỷ lệ nghèo đói cao hơn nhưng thừa dân của một vùng miền nào đó, như Tây Bắc và Tây Nguyên, vùng đồng bằng ven biển chẳng hạn thì rất nhiều người nghèo ở ĐBSCL sẽ chỉ được hưởng lợi ít ỏi từ những chương trình đầu tư lớn của chính phủ.



Hình 1: Bản đồ so sánh mật độ nghèo đói ở Việt Nam (Nguồn: Viện Nghiên cứu Chính sách lương thực Quốc tế và Viện nghiên cứu Phát triển, 2003).

Có nhiều định nghĩa của các chuyên gia để đánh giá về cái nghèo: nghèo tính theo thu nhập, nghèo tính theo lượng lương thực hay calori tiêu thụ trên mỗi đầu người, nghèo căn cứ vào sự bất bình đẳng về xã hội,... Ở đây, chúng ta cần hiểu rằng cái nghèo không hẳn đơn thuần là cái đói. Khái niệm nghèo có thể được định nghĩa theo nghĩa rộng, liên quan đến khả

năng tiếp cận với các quyền được hưởng thụ và thoả mãn nhu cầu vật chất, văn hoá, khoa học kỹ thuật, y tế, giáo dục, thông tin,... Nghĩa là, cuộc sống nghèo nàn là liên quan đến việc thiếu thốn tất cả những nhu cầu cơ bản của con người mà xã hội thừa nhận.

2. NGUYÊN NHÂN NGHÈO CỦA NGƯỜI NÔNG DÂN ĐBSCL

Việc phân tích nguyên nhân nghèo của thành phần nông dân ở ĐBSCL giúp chúng ta hiểu được đâu là thực chất vấn đề để cùng nhau tìm giải pháp khả dĩ có thể giúp người nông dân thoát nghèo và từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của nhóm người có tỷ lệ cao nhất nước nhưng được xem là yếu thế và dễ bị tổn thương nhất trong xã hội hiện nay. Nhìn ngược về quá khứ và lịch sử khẩn hoang vùng châu thổ có cao độ thấp nhất đất nước này thì cư dân ở đây phần đông là những người nghèo mặc dầu, nói chung, cuộc sống của họ là khá hào sảng, rộng rãi và thiên về lối sống tự nhiên. Với suy nghĩ giản dị, không chuộng hình thức, phần đông người nông dân miền Nam, mặc dầu khá thông minh và sáng tạo, nhưng ít đầu tư cho việc học hành, tích lũy vốn liếng và đầu tư cho nhà cửa, vật chất và lưu ý chăm sóc y tế. Do vậy, cái nghèo của người nông dân thể hiện bên ngoài khá rõ. Một thời gian dài chiến tranh và bất ổn làm kéo dài khả năng tích lũy vốn cho người nông dân và cơ sở hạ tầng cho vùng nông thôn. Sau năm 1975 đến khoảng giai đoạn gần cuối thập kỷ 1990, bên cạnh các lý do chiến tranh biên giới Tây Nam và chiến tranh biên giới với Trung Quốc, bị cấm vận, làn sóng di tản,... chính sách sai lầm về nông nghiệp, cách quản lý đất đai và phân phối lương thực ấu trĩ đã thực sự làm bần cùng thêm người nông dân do họ bị tước đoạt tư liệu sản xuất và thực sự mất quyền chủ động về ruộng đất. Hệ quả là gần suốt 15 năm, Việt Nam luôn ở trong sản xuất lương thực và thực phẩm kém cỏi làm tình trạng thiếu ăn phổ biến. Sau giai đoạn chuyển biến nhận thức từ 1986 - 1990, được gọi là “*thời kỳ đổi mới*”, chính sách này đã khai phóng sức sản xuất và nông dân đã dần được trao trả quyền chủ động trong sản xuất nông nghiệp. Kết quả là Việt Nam, mà chủ lực là vùng ĐBSCL, đã làm nên kỳ tích vươn lên thành một quốc gia xuất khẩu lương thực chủ lực của thế giới.

Sự mở cửa hội nhập vào nền kinh tế thị trường thế giới cũng đã tạo nên những sự thay đổi lớn cho người nông dân. Người nông dân vùng ĐBSCL, cùng với cả nước, có thực sự thoát khỏi những năm đói kém nhưng chính sách thị trường hoá và xã hội hoá không đồng bộ, bất hợp lý và thiếu khoa học đã tạo ra những bất bình đẳng mới khiến cái nghèo vẫn quanh quẩn cuộc sống của người nông dân. Khoảng 5 năm gần đây, khái niệm “tam nông” gồm ba mảng nông nghiệp, nông thôn và nông dân được giới thiệu rộng rãi thì điềm lại sau gần hai thập niên “*đổi mới và hội nhập*” qua, chỉ có sự tăng trưởng đáng kể về tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp, nông thôn có đầu tư phát triển nhưng chưa đúng mức và đồng bộ, còn mảng đời sống nông dân thì phổ biến vẫn là nghèo và bất bình đẳng. Những lý do về cái nghèo của người thì rất đa dạng và khá phức tạp khi chúng ta ráng tìm những yếu tố nào là nguyên nhân chủ lực, yếu tố nào là nguyên nhân thứ cấp và phụ thuộc vào các yếu tố khác. Dưới đây là liệt kê các nhân tố làm cho người nông dân ĐBSCL vẫn còn trong vòng lẩn quẩn của cái nghèo.

➤ *Nghèo do chính sách bất cập*

Thực tế, cho thấy chính sách xoá các hình thức cưỡng bức tập thể hoá và trả một phần ruộng đất về cho nông dân trong sản xuất nông nghiệp vừa qua đã tạo nên kỳ tích *xoá đói* cho người nông dân nhưng chưa đủ để *giảm nghèo* thực sự cho đa số họ, mặc dầu đã có những minh chứng sự thành công của một số mô hình nông dân sản xuất giỏi, làm giàu, trở nên những *triệu phú nông dân*. Song, phải thừa nhận số nông dân trở thành *tỷ phú từ sản xuất* thì chiếm một tỷ lệ rất nhỏ so với hơn 18 triệu nông dân vùng đồng bằng. So với cư dân vùng đô thị và ven đô, người dân nông thôn vẫn phải chịu những sự bất bình đẳng trong chính sách kinh tế và xã hội. Người dân quê phải chi trả chi phí các dịch vụ xã hội ngày càng cao như

điện, xăng dầu, đường sá, trường học, y tế, hưởng thụ văn hoá, vệ sinh công cộng... cao hơn người thành thị nếu căn cứ vào tỷ lệ thu nhập của họ, khiến cảm giác nghèo đói với họ trở nên rõ rệt hơn. Nguồn thu chính của người nông dân là các loại nông sản do họ làm ra phải chịu bao nhiêu là phí khi đến tay người tiêu thụ mà gần như chính sách trợ giúp thì không đáng kể và ít tác dụng. Chi phí sản xuất ngày càng cao gồm xăng dầu bơm nước, giá lúa giống, phân bón, thuốc trừ sâu, công lao động, chi phí tàu xe vận chuyển, phí cầu đường, thuê các loại,... trong khi giá bán ngày một bấp bênh với nhiều yếu tố bất ổn trong thị trường tiêu thụ. Một ví dụ như việc giá xăng dầu tăng liên tục như một dạng phí đánh vào người tham gia giao thông trên cầu đường thì người nông dân mua xăng dầu để bơm nước trong ruộng của họ hay chạy tàu thuyền chở nông sản hay vật tư nông nghiệp trên sông rạch phải chịu một cách phi lý chi phí này. Dường như người định đoạt chính sách giá cả đã không xem xét đến tình cảnh này của hơn 2/3 dân số là nông dân. Một bất cập lớn nữa làm người nông dân phải chịu thiệt thòi là họ sản xuất ra lương thực, thực phẩm, bảo đảm an ninh lương thực cho đất nước nhưng họ hoàn toàn không can thiệp được giá bán nông sản, mà phần lớn quyết định lợi nhuận từ phân phối hàng hoá đến buôn bán với nước ngoài lại rơi vào túi tiền của các công ty kinh doanh xuất khẩu.

Trong khi người dân đô thị nhiều năm qua đã không còn góp công lao động công ích hàng năm thì ở nông thôn, chủ trương lao động nghĩa vụ vẫn còn áp dụng nhiều nơi. Đầu tư công của nhà nước vẫn chủ trương tập trung một tỷ lệ lớn cho vùng đô thị hơn nhiều lần cho vùng nông thôn. Điều này khiến người nông dân và con em của họ ít cơ hội hưởng thụ tiện ích xã hội như điều kiện học tập, hưởng thụ văn hoá, chăm sóc y tế, tiến bộ khoa học và thuận lợi về thủ tục hành chính. Chính sách cung cấp dịch vụ cho người nghèo như dạy nghề, giải quyết việc làm, tín dụng, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đến với người nông dân rất hạn chế so với người thành thị. Hệ quả là người nông dân nghèo hơn về kiến thức, sức khoẻ và điều kiện giải trí.

Ngoài ra, nhiều vùng đất trù phú về nông nghiệp đang chịu tình trạng chủ trương quy hoạch thay đổi cơ cấu sử dụng đất, biến thành các vùng công nghiệp tập trung, cụm dân cư mới hay khu hành chính, tuyến giao thông mở rộng,... khiến người nông dân không yên tâm cho đầu tư sản xuất hoặc bị chính quyền buộc thu hồi đất đai khiến xảy ra tình trạng mâu thuẫn, khiếu kiện kéo dài làm kiệt quệ tài sản, sức lực và thời gian của người nông dân.

➤ *Ngèo do thiếu vốn, thiếu đất, thiếu tay nghề*

Thực sự, tình trạng thiếu vốn, thiếu đất và thiếu tay nghề vẫn là sự thiếu hụt lớn tự nhiên chung cho người nghèo. Các thiếu hụt này làm hạn chế khả năng và điều kiện liên quan đến sinh kế và thu nhập của người nông dân. Đặc điểm chính và lớn nhất của người nông dân nghèo là thiếu vốn cho đầu tư sản xuất và dự phòng tái sản xuất. Sự hoạt động yếu kém của hệ thống tín dụng nông thôn ở nhiều nơi hiện nay khiến người nông dân phải chịu tình trạng mua giống, phân bón, thuốc trừ sâu theo kiểu mua chịu, trả góp hoặc trả cuối vụ với lãi suất cao. Hệ quả là nguồn vốn của người nông dân có vẻ ngày càng teo tóp theo sự gia tăng tốc độ lạm phát hiện nay trong khi tiền lời từ sản xuất nông nghiệp ít ỏi khiến họ ngày một nghèo vốn đi.

Dân số vùng nông thôn vùng ĐBSCL không gia tăng nhanh như nhiều năm sau chiến tranh nhưng vẫn gia tăng đều làm diện tích ruộng đất trên mỗi đầu người hay trên mỗi nông hộ ít dần đi. Một yếu tố khác nữa liên quan đến cái nghèo về tài nguyên đất của người nông dân là chất lượng dinh dưỡng trong đất ngày một giảm đi do phải liên tục thâm canh tăng vụ, đất đai bị ô nhiễm do phải sử dụng ngày càng nhiều phân bón hoá học, nông dược. Nếu người nông dân chỉ đơn thuần chỉ biết độc canh trồng lúa, rau màu, nuôi cá thì không có sự bảo đảm thoát nghèo. Người nông dân cần phải được trang bị thêm các tay nghề, ít nhất là cơ bản, về

sửa chữa cơ khí nông nghiệp, nghề mộc, nghề hồ, nghề thủ công, chế tác các phụ phẩm nông nghiệp như đan lát, hoặc chế biến nông sản để có một chuỗi giá trị cao hơn. Ngoài ra, người nông dân, đặc biệt thanh niên nông thôn còn có nhu cầu học tập kỹ năng sử dụng internet để có các thông tin về hàng hoá nông sản và tiến bộ khoa học kỹ thuật nông nghiệp. Hiện nay đã có một số dự án dạy nghề cho thanh niên nông thôn, tuy nhiên hiệu quả của các dự án này vẫn chưa rõ ràng, nếu có phần nào thành công thì cũng còn nằm ở mức thí điểm, dạng mô hình mà chưa điều khắp và thật sự hữu ích.

➤ ***Nghèo do thiên tai và sự phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên***

Hiệu quả sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản ở ĐBSCL chịu sự phụ thuộc lớn vào nguồn nước và các điều kiện khí hậu của khu vực. Các năm gần đây có nhiều chứng cứ cho thấy có nhiều hiện tượng thời tiết bất thường và sự thay đổi không mong muốn của quy luật thủy văn dòng chảy trên sông rạch khiến việc chủ động kiểm soát nước và điều kiện nhiệt độ, ẩm độ, gió cho sản xuất nông nghiệp thêm khó khăn. Các yếu tố thiên tai cực đoan như bão nhiệt đới, lũ lụt, hạn hán, lốc xoáy làm nhiều thành quả gần thu hoạch trên đồng ruộng ao nuôi của nông dân bỗng chốc trắng tay. Hiện tượng nóng lên toàn cầu hơn làm tình trạng biến đổi khí hậu và nước biển dâng có vẻ ngày càng rõ rệt, dẫn đến nhiệt độ ngày một tăng cao, phân bố mưa bất thường, xâm nhập mặn và khô hạn. Ngoài ra, các tác động nước xuyên biên giới như việc gia tăng khai thác thủy điện trên dòng chính và dòng nhánh sông Mekong, việc chuyển dòng chảy sang lưu vực khác, việc mở rộng diện tích canh tác ở các nước thượng nguồn sẽ là những nguy cơ tiềm tàng cho thu nhập người nông dân khi đồng ruộng họ rơi vào tình hình nghèo nước, nghèo phù sa và nghèo nguồn dinh dưỡng tôm cá.

➤ ***Nghèo do một phần bản tính của người nông dân***

Đa phần người nông dân thực thụ vùng ĐBSCL là chịu khó và biết sáng tạo trong cuộc sống và sản xuất. Tuy nhiên, trong họ vẫn có những người có tính an phận, chấp nhận sự bất cập của xã hội, tự nhiên. Một số vẫn có thói quen ăn nhậu, đua đòi, lười biếng, ít chịu tiết kiệm phòng xa lâu dài nên cái nghèo vẫn triền miên. Một số thanh niên nông thôn có ý tưởng muốn thoát ly quê nghèo, bỏ lên thành thị làm công cho những khu công nghiệp, làm thợ xây dựng, hay làm thuê các cơ sở kinh doanh nhưng với tay nghề non yếu, tính kỷ luật công nghiệp kém và thói quen tùy tiện nông thôn còn cao nên công ăn việc làm của họ không ổn định. Một số nông dân được một số tiền kha khá khi có cơ hội bán được đất từ những dự án đô thị hoá thì có tư tưởng muốn sống an nhàn hưởng thụ hoặc quay qua buôn bán hay làm dịch vụ nhưng không có kinh nghiệm thương trường nên chỉ trong một thời gian ngắn vốn liếng hao hụt nhanh chóng và họ trở về tình trạng nghèo hụt hơn ngày xưa.

Ngoài ra, còn những yếu tố khác liên quan đến tình trạng nghèo khổ kéo dài ở vùng nông thôn có thể kể ra như: sự bất bình đẳng giới (tiền công nhật cho nữ giới thấp hơn nam giới, kỳ thị giới, ...), bệnh tật không được chữa trị đúng mức nên sức khoẻ giảm sút, là những điều kiện bất lợi đẩy tình trạng nghèo khổ của nông dân thêm trầm trọng.

3. GIẢI PHÁP NÀO GIÚP NÔNG DÂN THOÁT NGHÈO?

Vấn đề xóa đói giảm nghèo cho người nông dân vùng ĐBSCL không hề đơn giản và phải đòi hỏi các cấp chính quyền, các nhà quản lý, các tổ chức xã hội dân sự và các nhà khoa học phối hợp thực hiện kiên trì một cách liên tục. Giải pháp giúp nông dân thoát nghèo cần làm đồng bộ và tổng hợp, có thể kể ra những điểm chính, bao gồm:

- Xem xét thận trọng chủ trương chuyển đổi cơ cấu kinh tế vùng nông thôn, nên duy trì tỉ lệ phát triển nông lâm ngư nghiệp, giảm tỉ lệ đầu tư công nghiệp và xây dựng và tăng hợp lý hoạt động dịch vụ;
- Đặt mục tiêu phát triển nông thôn và ưu đãi nông dân thành một chính sách lớn, đảm bảo người nông dân được quyền hưởng các dịch vụ lợi ích xã hội cho họ;
- Củng cố và hoàn chỉnh luật đất đai theo hướng mở rộng quyền sử dụng đất đai lâu dài và ổn định cho nông dân;
- Đầu tư nhân lực và phát triển hạ tầng giáo dục và y tế nông thôn; có chính sách ưu đãi cho trí thức về làm việc lâu dài ở vùng nông thôn;
- Xây dựng phương hướng hỗ trợ vốn cho các dự án xoá đói giảm nghèo, dạy nghề nông thôn và tạo điều kiện phát triển các nghề phụ ở nông thôn;
- Hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn theo hướng tăng giá trị hàng hoá nông sản;
- Tạo điều kiện tốt cho người nông dân tiếp cận thông tin về thị trường nông sản, tiến bộ khoa học – kỹ thuật, pháp lý, bình đẳng giới, các kiến thức cơ bản về bảo vệ môi trường, phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu;
- Tạo môi trường, sạch, đẹp và bền vững cho sinh thái vùng nông thôn; người dân nông thôn phải được cung cấp nước sạch, nguồn điện và các tiện nghi hạ tầng khác.
- Tạo điều kiện tốt hơn cho các nhà khoa học, các tổ chức xã hội dân sự và các tổ chức quốc tế thúc đẩy các chương trình, dự án phát triển nông thôn nhằm tăng cường năng lực cho người nông dân và nâng cao chất lượng cuộc sống của họ.

4. KẾT LUẬN

Nông dân chiếm hơn 2/3 dân số của cả nước, họ là lực lượng sản xuất chính đảm bảo an ninh lương thực cho toàn dân nhưng họ cũng là nhóm yếu thế nhất trong xã hội. Người nông dân ở ĐBSCL dù đã nỗ lực tạo ra những bước nhảy vượt bậc trong phát triển nông nghiệp và thủy sản, góp phần làm cho thế giới biết đến thành tích này của Việt Nam, tuy vậy người nông dân vẫn chưa thoát được cái nghèo, thậm chí một số trong họ rơi vào tình cảnh nghèo khó đang trầm trọng thêm. Nhiều phân tích cho thấy các chính sách về nông thôn vừa qua vẫn còn nhiều điểm bất lợi và bất cập cho người nông dân, bên cạnh những yếu tố hạn chế khác.

Các giải pháp giúp người nông dân từng bước giảm nghèo, tăng khả năng tích lũy tiền bạc, tài sản và nâng cao chất lượng cuộc sống bao gồm những chính sách phù hợp và có các đầu tư đích thực cho việc phát triển nông thôn. Sự tăng trưởng bền vững cho nền nông nghiệp, nông thôn và nông dân vùng ĐBSCL là nhân tố đảm bảo sự ổn định xã hội và kinh tế cho đất nước. Nguyên tắc này vẫn đúng cho các vùng miền nông thôn khác mà nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đã khẳng định.

Lê Anh Tuấn
Tháng 4/2013